

Bản án số: 361/2025/DSST

Ngày: 30/9/2025

V/v: *Tranh chấp*

Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Khánh.

Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Đạo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên

tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Mai - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hà Nội. Xét xử khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 76/2025/TLST-DS ngày 17/6/2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2025/QĐXXST - DS ngày 26/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2025/QĐST-HPT ngày 12/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT tại: Thôn C, xã Q, thành phố Hà Nội.

Nơi ĐKKHKT cũ tại: Tổ C, thị trấn C, huyện M, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Lê Thị Q và bà Trần Thúy H - Luật sư Văn phòng sư ATK - Đoàn sư thành phố H;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu L1, sinh năm 1979.

Nơi ĐKKHKT tại: Thôn L, xã Q, thành phố Hà Nội.

Nơi ĐKKHKT cũ tại: Thôn L, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa hôm nay có mặt chị L, bà H và anh L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn có nội dung được tóm tắt như sau:*

Do có quan hệ quen biết chơi cùng nhau nên khoảng năm 2021, 2022 anh Nguyễn Hữu L1 có hỏi chị vay tiền để kinh doanh làm ăn nên chị có cho anh Nguyễn Hữu L1 vay tổng số tiền 700.000.000 đồng, gồm nhiều lần vay khác nhau, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 16/9/2021 anh L1 vay 300.000.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 22/10/2021 anh L1 vay 200.000.000 đồng.

- Lần 03: Ngày 31/12/2021 anh L1 vay 200.000.000 đồng.

Hình thức vay là chuyển khoản, có bản sao kê kèm theo hồ sơ; vay không xác định thời hạn trả nợ nhưng anh L1 phải trả nợ khi chị yêu cầu; lãi suất hai bên thỏa thuận (Hai bên thỏa thuận vào ngày 16/9/2021) là 24%/năm từ năm 2021 đến tháng 8 năm 2023, từ tháng 9 năm 2023 trở đi (Hai bên thỏa thuận vào ngày 06/9/2023) lãi suất là 18%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, anh L1 đã trả lãi cho chị nhiều lần tổng là 140.000.000 đồng, chưa trả gốc đồng nào. Nhưng từ ngày 31/12/2021 trở đi anh L1 không trả thêm đồng nào và không hợp tác việc trả nợ, gây khó khăn, chị đã đòi nhiều lần nhưng cũng không được.

Nay chị khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh L1 phải có trách nhiệm trả cho chị các khoản sau: Nợ gốc 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); *nợ lãi tính 10%/năm (0,83%/tháng) là 193.473.000 đồng (Tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/9/2025 tổng là 999 ngày: 700.000.000 đồng x 0,83% : 30 x 999 = 193.473.000 đồng)*. Tổng số tiền anh L1 phải trả là 893.473.000 đồng; chị không yêu cầu xem xét, giải quyết số tiền anh L1 đã trả lãi cho chị trước đó.

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Hữu L1 trình bày có dung được tóm tắt như sau:* Anh xác nhận lời trình bày của chị L về toàn bộ quá trình vay, hình thức nhận tiền vay, tổng số tiền vay, mục đích vay là đúng:

Do có quan hệ quen biết chơi cùng nhau nên khoảng năm 2021, 2022 anh có vay tiền của chị L để kinh doanh làm ăn, anh đã vay tổng số tiền 700.000.000 đồng, gồm nhiều lần vay khác nhau, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 16/9/2021 tôi vay 300.000.000 đồng.
- Lần 02: Ngày 22/10/2021 tôi vay 200.000.000 đồng.
- Lần 03: Ngày 31/12/2021 tôi vay 200.000.000 đồng.

Tại các buổi việc anh có quan điểm: Hình thức vay là chuyển khoản, không có lãi; vay không xác định thời hạn trả nợ, vừa làm vừa trả dần; chị L đã chuyển khoản cho anh số tiền trên là 700.000.000 đồng 3 lần khác nhau như trên đã khai vào số tài khoản của anh là 103602150879 tại N. Sau khi vay anh đã trả chị L2 được khoảng 140.000.000 đồng tiền gốc; anh sẽ cung cấp cho Tòa án chậm nhất vào ngày 31/7/2025 nhưng đến nay anh không cung cấp được. Từ đó đến nay do anh khó khăn nên không trả được cho chị L đồng nào. Nay anh xin trả nợ chị L số tiền gốc 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*), anh không nhất trí yêu cầu của chị L đòi anh số tiền lãi trên vì anh vay không có lãi. Anh xin trả nợ toàn bộ khoản nợ gốc 700.000.000 đồng cho chị L trong thời hạn 20 tháng.

Tại phiên tòa: Anh lại nhất trí khoản vay trên là có lãi như chị L trình bày là đúng và xin trả nợ toàn bộ khoản nợ gốc 700.000.000 đồng và 50.000.000 đồng lãi cho chị L trong thời hạn 6 tháng. Anh không yêu cầu xem xét, giải quyết số tiền anh đã trả lãi cho chị L trước đó.

** Tại phiên tòa người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày có nội dung được tóm tắt như sau:* Bà nhất trí quan điểm của nguyên đơn về toàn bộ nội dung của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có ý kiến bổ sung gì khác.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tham gia tố tụng là bị đơn chưa chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng:

- Các Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 463, 466 và Điều 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”;

Đề nghị xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị L về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với anh Nguyễn Văn L3.

Buộc anh Nguyễn Hữu L1 phải có trách nhiệm thanh toán nợ cho chị Ngô Thị L 700.000.000 đồng (*B trăm triệu đồng*) tiền gốc và lãi suất kể từ ngày 01/01/2023 đến nay theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng và thẩm quyền*: Ngày 17/6/2025, án nhân dân khu vực 7, thành phố Hà Nội thụ lý vụ án Dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa: Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L với bị đơn anh Nguyễn Hữu L1; Trú tại: Thôn K, xã Y, thành phố Hà Nội. Địa cũ: Thôn L, xã T, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự án nhân dân khu vực 7, thành phố Hà Nội thụ lý vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung hợp đồng*:

Theo các tài liệu trong hồ sơ cũng như hai bên đương sự đều thống nhất thể hiện: Khoảng năm 2021, 2022 chị Ngô Thị L đã cho anh Nguyễn Hữu L1 vay tiền

để kinh doanh làm ăn tổng số tiền 700.000.000 đồng, gồm nhiều lần vay khác nhau, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 16/9/2021 anh L1 vay 300.000.000 đồng.
- Lần 02: Ngày 22/10/2021 anh L1 vay 200.000.000 đồng.
- Lần 03: Ngày 31/12/2021 anh L1 vay 200.000.000 đồng.

Hình thức vay là chuyển khoản, có bản sao kê kèm theo hồ sơ thể hiện cụ thể tại Vi Bằng số: 214/2025/VB-TPLQM lập ngày 05/8/2025 tại Văn phòng phát lại Quang M;

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về thời hiệu khởi kiện: Việc chị L cho anh L1 vay tiền là hợp đồng vay tài sản, thời điểm cho vay từ ngày 16/9/2021 đến ngày 31/12/2021, không xác định thời hạn trả nợ; tuy nhiên, sau khi vay, anh L1 chỉ trả được một phần tiền lãi, không trả được gốc vay, sau đó trong suốt thời gian dài chị L2 đã đòi nhiều lần và cho anh L1 thời hạn trả nợ, tuy nhiên, anh L1 không thực hiện nên chị L đã phải khởi kiện ra Tòa án yêu cầu buộc anh L1 phải trả số nợ trên. Nay anh L1 cho rằng sau khi vay anh đã trả chị L được khoảng 140.000.000 đồng tiền lãi và xin trả nợ chị L 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) tiền gốc, anh L1 không nhất trí yêu cầu của chị L đòi anh số tiền lãi trên. Anh L1 xin trả nợ toàn bộ khoản nợ gốc 700.000.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền lãi cho chị L trong thời hạn 6 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, quan điểm của anh L1 như trên là không phù hợp, tuy nhiên, anh lại chấp nhận trả chị L cả 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) tiền gốc là phù hợp nên cần được chấp nhận. Theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện của chị L vẫn còn.

- Về lãi suất: Các bên có thỏa thuận về lãi, tuy nhiên, chị L chỉ yêu cầu anh L1 phải trả lãi 10%/năm. Nay chị L khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh L1 phải có trách nhiệm trả cho chị các khoản sau: Nợ gốc 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); *nợ lãi tính 10%/năm (0,83%/tháng) là 193.473.000 đồng (Tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/9/2025 tổng là 999 ngày: 700.000.000 đồng x 0,83% : 30 x 999 = 193.473.000 đồng)*. Tổng số tiền anh L1 phải trả là 893.473.000 đồng. Hai bên đều không yêu cầu xem xét, giải quyết số tiền anh L1 đã trả lãi cho chị L trước đó.

Xét thấy, Hợp đồng vay tiền trên là hợp đồng không xác định thời hạn trả nợ và có lãi nhưng anh L1 phải trả nợ khi chị L yêu cầu; lãi suất hai bên thỏa thuận (Hai bên thỏa thuận vào ngày 16/9/2021) là 24%/năm từ năm 2021 đến tháng 8 năm 2023, từ tháng 9 năm 2023 trở đi (Hai bên thỏa thuận vào ngày 06/9/2023) lãi suất là 18%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, hai bên đều thống nhất thừa nhận: Anh L1 đã trả lãi cho chị L nhiều lần tổng là 140.000.000 đồng, chưa trả gốc đồng nào. Nhưng từ ngày 31/12/2021 trở đi anh L1 không trả thêm đồng nào và không hợp tác việc trả nợ, gây khó khăn, chị đã đòi nhiều lần nhưng cũng không được. Việc anh L1 cho rằng hợp đồng vay tiền này không xác định thời hạn trả nợ. Sau khi vay anh đã trả chị L được khoảng 140.000.000 đồng tiền lãi. Từ đó đến nay do anh khó khăn nên không trả được cho chị L đồng nào. Nay anh xin trả nợ toàn bộ khoản nợ gốc 700.000.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền lãi cho chị L trong thời hạn 6 tháng, anh không nhất trí yêu cầu của chị L đòi anh số tiền lãi trên; Hội đồng

xét xử xét thấy, quan điểm trên là không có căn cứ, không được chấp nhận. Xét thấy yêu cầu trên của chị L là tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Chị Ngô Thị L yêu cầu anh Nguyễn Hữu L1 trả tổng số tiền là 893.473.000 đồng và được Tòa án chấp nhận. Tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 39.739.000 đồng.

- Anh Nguyễn Hữu L1 phải chịu toàn bộ án phí sung vào ngân sách nhà nước.

- Chị Ngô Thị L không phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 463, 466 và Điều 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật sự 2015; Các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị L đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu L1.

1. Buộc anh Nguyễn Hữu L1 phải có trách nhiệm thanh toán nợ cho chị Ngô Thị L 700.000.000 đồng (*B trăm triệu đồng*) tiền gốc và lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) *kể từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/9/2025 là 999 ngày* x 0,83%/tháng x 700.000.000 đồng = 193.473.000 đồng. Tổng cộng là 893.473.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Hữu L1 phải chịu số tiền án phí là 38.804.000 đồng (*Ba mươi tám triệu tám trăm linh bốn nghìn đồng*).

- Trả lại chị Ngô Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.585.000 đồng (*Hai mươi một triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0055565 ngày 13/6/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Định